NGUYỄN TRỌNG CHƯƠNG

QUẢN LÝ NỢ XÂU TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁP TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM CHI NHÁNH TỈNH NGHỆ AN

LUẬN VĂN THẠC SỸ QUẢN LÝ KINH TẾ CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỞNG THỰC HÀNH

NGHỆ AN - 2015
NGUYỄN TRỌNG CHƯƠNG

QUẢN LÝ NỢ XẤU TẠI NGÂN HÀNG NỘNG NGHIỆP VÀ PHÁP TRỊ ÈN NÔNG THÔN VIỆT NAM CHI NHÁNH TỈNH NGHỆ AN

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ MÃ SỐ: 60 34 04 10

LUẬN VĂN THẠC SỸ QUẢN LÝ KINH TẾ CHUẨN TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN NGỌC THANH

NGHỆ AN - 2015
LỜI CAM ĐOAN

Học viên cam đoan rằng, trong luận văn này:
- Các số liệu, thông tin được trích dẫn theo đúng quy định.
- Các số liệu sử dụng là trung thực, có căn cứ.
- Lập luận, phân tích, đánh giá, kiến nghị được đưa ra dựa trên quan điểm nghiên cứu của tác giả.
- Luận văn không trùng lặp bất cứ công trình nào đã được công bố.

TÁC GIẢ

NGUYỄN TRỌNG CHƢƠNG
LỜI CẢM ƠN

Với lòng biết ơn sâu sắc, tôi xin chân thành cảm ơn PGS.TS Nguyễn Ngọc Thanh đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn khoa học cho tôi trong quá trình thực hiện luận văn này.


Nghệ An, tháng 03 năm 2015

NGUYỄN TRỌNG CHƯƠNG
MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT .................................................................................................................... i
DANH MỤC BẢNG BIỂU ................................................................................................................. ii
DANH MỤC SƠ ĐỒ ......................................................................................................................... iv
DANH MỤC BIỂU ĐỒ ...................................................................................................................... v

LỜI MỞ ĐẦU ........................................................................................................................................ 1

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NỢ XẤU TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ............................................................... 4

1.1. Tổng quan nghiên cứu ............................................................................................................... 4

  1.1.1. Tình hình nghiên cứu nợ xấu chung .............................................................................. 4

  1.1.2. Tình hình nghiên cứu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An .............................................................. 6

1.2. Tổng quan nợ xấu ngân hàng thương mại ............................................................................ 6

  1.2.1. Khái niệm Ngân hàng thương mại ............................................................................... 6

  1.2.2. Các quan điểm về nợ xấu của ngân hàng thương mại ............................................ 7

  1.2.3. Nguyên nhân phát sinh nợ xấu .................................................................................... 9

1.3. Quan lý nợ xấu ngân hàng thương mại .............................................................................. 12

  1.3.1. Quan điểm về quản lý nợ xấu ................................................................................... 12

  1.3.2. Nội dung quản lý nợ xấu .......................................................................................... 12

  1.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nợ xấu ............................................... 28

1.4. Kinh nghiệm quản lý nợ xấu của một số Ngân hàng thương mại trong nước ............................................................. 30

  1.4.1. Quan lý nợ xấu tại Ngân hàng thương mại có phân ngoại thương Việt Nam .................. 30

  1.4.2. Quan lý nợ xấu Ngân hàng thương mại có phân công thương Việt Nam ..... 32
1.4.3. Bài học kinh nghiệm cho hoạt động quản lý nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Nghệ An ......34

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU LUẬN VĂN ..................................................36

2.1. Phương pháp luận ..................................................................................................................36
2.1.1. Cơ sở phương pháp luận ..................................................................................................36
2.1.2. Phương pháp nghiên cứu ...............................................................................................36
2.2. Điểm khác thời gian nghiên cứu ......................................................................................38
2.2.1. Điểm nghiên cứu ..........................................................................................................38
2.2.2. Thời gian nghiên cứu ....................................................................................................38
2.3. Thiết kế nghiên cứu luận văn ...........................................................................................38

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NỢ XẤU TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THƠN VIỆT NAM – CHI NHÁNH TỈNH NGHỆ AN ...41

3.1. Nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi
    nhánh tỉnh Nghệ An ................................................................................................................41
3.1.1. Tổng quan hoạt động tín dụng của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển
    nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An.................................................................41
3.1.2. Diện biến nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt
    Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An .........................................................................................43
3.1.3. Phân tích cơ cấu nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông
    thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An .........................................................................47
3.2. Thực trạng quản lý nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn
    Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An ..................................................................................49
3.2.1. Môi trường pháp lý cho hoạt động quản lý nợ xấu.................................................49
3.2.2. Thực trạng quản lý nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông
    thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An .........................................................................51
3.3. Đánh giá về công tác quản lý nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển
    nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An ...................................................................65
CHƯƠNG 4: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NỢ XÂU TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THƠN VIỆT NAM – CHI NHÁNH TỈNH NGHỆ AN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY TÂM NHÌN ĐẾN NĂM 2020…

4.1. Định hướng trong hoạt động quản lý nợ xấu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An hiện nay tầm nhìn đến năm 2020

4.1.1. Định hướng chung trong hoạt động quản lý rủi ro tín dụng

4.1.2. Định hướng riêng trong hoạt động quản lý nợ xấu

4.2. Các giải pháp tăng cường quản lý nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An

4.2.1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

4.2.2. Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An

4.2.3. Áp dụng cơ chế giao khoán thưởng phạt trong quản lý điều hành

4.2.4. Thực hiện tốt quy trình quản lý tín dụng

4.3. Một số kiến nghị

4.3.1. Kiến nghị với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

4.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng nhà nước Việt Nam

4.3.3. Kiến nghị với Chính phủ

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO
<table>
<thead>
<tr>
<th>STT</th>
<th>Ký hiệu</th>
<th>Nguyên nghĩa</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1</td>
<td>Agribank</td>
<td>Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>CIC</td>
<td>Trung tâm thông tin tín dụng (Credit Information Center)</td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>DNHN</td>
<td>Doanh nghiệp Nhà nước</td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>DPRR</td>
<td>Dự phòng rủi ro</td>
</tr>
<tr>
<td>5</td>
<td>ECB</td>
<td>Ngân hàng Trung Ương Châu Âu (The European Central Bank)</td>
</tr>
<tr>
<td>6</td>
<td>FED</td>
<td>Cục dự trữ liên bang (Federal Reserve System)</td>
</tr>
<tr>
<td>7</td>
<td>FSB</td>
<td>Ủy ban ổn định tài chính (Financial Stability Board)</td>
</tr>
<tr>
<td>8</td>
<td>GDP</td>
<td>Tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product)</td>
</tr>
<tr>
<td>9</td>
<td>HDQT</td>
<td>Hội đồng quản trị</td>
</tr>
<tr>
<td>10</td>
<td>IMF</td>
<td>Quỹ tiền tệ quốc tế (The International Monetary Fund)</td>
</tr>
<tr>
<td>11</td>
<td>NHNN</td>
<td>Ngân hàng Nhà nước</td>
</tr>
<tr>
<td>12</td>
<td>NHTM</td>
<td>Ngân hàng thương mại</td>
</tr>
<tr>
<td>13</td>
<td>NHTW</td>
<td>Ngân hàng Trung Ương</td>
</tr>
<tr>
<td>14</td>
<td>NPLs</td>
<td>Nợ không sinh lợi (Non Performing Loans)</td>
</tr>
<tr>
<td>15</td>
<td>RRTD</td>
<td>Rủi ro tín dụng</td>
</tr>
<tr>
<td>16</td>
<td>TCTD</td>
<td>Tổ chức tín dụng</td>
</tr>
<tr>
<td>17</td>
<td>TSBD</td>
<td>Tài sản bảo đảm</td>
</tr>
<tr>
<td>18</td>
<td>TSCD</td>
<td>Tài sản cố định</td>
</tr>
<tr>
<td>19</td>
<td>VCB</td>
<td>Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam</td>
</tr>
<tr>
<td>20</td>
<td>VietinBank</td>
<td>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam</td>
</tr>
<tr>
<td>21</td>
<td>WB</td>
<td>Ngân hàng thế giới (World Bank)</td>
</tr>
<tr>
<td>22</td>
<td>WTO</td>
<td>Tổ chức thương mại thế giới (World Trade Organization)</td>
</tr>
<tr>
<td>STT</td>
<td>Bảng</td>
<td>Nội dung</td>
</tr>
<tr>
<td>-----</td>
<td>------------</td>
<td>---------------------------------------------------------------------------</td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Bảng 1.1</td>
<td>Phân loại nợ của Ngân hàng thế giới</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Bảng 1.2</td>
<td>Giá trị LGD tối thiểu đối với các khoản phải đoi có tài sản đảm bảo</td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Bảng 1.3</td>
<td>Nợ xấu Ngân hàng cổ phần công thương Việt Nam giai đoạn năm 2009 – 2013</td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Bảng 3.1</td>
<td>Dự nợ phân theo thời gian cho vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An</td>
</tr>
<tr>
<td>5</td>
<td>Bảng 3.2</td>
<td>Dự nợ phân theo thành phần kinh tế của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An</td>
</tr>
<tr>
<td>6</td>
<td>Bảng 3.3</td>
<td>Nợ xấu và dự nợ tín dụng các NHTM tại tỉnh Nghệ An</td>
</tr>
<tr>
<td>7</td>
<td>Bảng 3.4</td>
<td>Nợ xấu và dự nợ tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp &amp;PTNT Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Nghệ An</td>
</tr>
<tr>
<td>8</td>
<td>Bảng 3.5</td>
<td>Nợ xấu và dự nợ tín dụng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An theo TT02/TT-NHNN</td>
</tr>
<tr>
<td>9</td>
<td>Bảng 3.6</td>
<td>Tỷ lệ nợ xấu theo ngành kinh tế tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An</td>
</tr>
<tr>
<td>STT</td>
<td>Bảng</td>
<td>Nội dung</td>
</tr>
<tr>
<td>-----</td>
<td>------</td>
<td>---------------------------------------------------------------------------</td>
</tr>
<tr>
<td>10</td>
<td>Bảng 3.7</td>
<td>Tỷ lệ nợ xấu theo đối tượng khách hàng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An</td>
</tr>
<tr>
<td>11</td>
<td>Bảng 3.8</td>
<td>Phân loại nợ khách hàng là tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân có dư nợ trên 500.000.000 VND</td>
</tr>
<tr>
<td>12</td>
<td>Bảng 3.9</td>
<td>Phân loại nợ khách hàng là tổ chức kinh tế chưa có báo cáo tài chính, hộ gia đình, cá nhân có dư nợ dưới 500.000.000 VND</td>
</tr>
<tr>
<td>13</td>
<td>Bảng 3.10</td>
<td>Phân loại nợ theo nhóm nợ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An</td>
</tr>
<tr>
<td>14</td>
<td>Bảng 3.11</td>
<td>Tỷ lệ các biện pháp xử lý, thu nợ áp dụng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An</td>
</tr>
</tbody>
</table>
### DANH MỤC SƠ ĐỒ

<table>
<thead>
<tr>
<th>STT</th>
<th>Hình</th>
<th>Nội dung</th>
<th>Trang</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1</td>
<td>Sơ đồ 1.1</td>
<td>Ngăn ngừa và xử lý rủi ro tín dụng</td>
<td>25</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Sơ đồ 3.1</td>
<td>Mô hình quản lý rủi ro phần tán Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam</td>
<td>60</td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Sơ đồ 4.1</td>
<td>Đề xuất mô hình quản lý rủi ro tín dụng tổng thể cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam</td>
<td>79</td>
</tr>
</tbody>
</table>

### DANH MỤC BIỂU ĐỒ

<table>
<thead>
<tr>
<th>STT</th>
<th>Hình</th>
<th>Nội dung</th>
<th>Trang</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1</td>
<td>Biểu đồ 3.1</td>
<td>Biểu đồ nợ xấu nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn), nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) và nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn)</td>
<td>56</td>
</tr>
</tbody>
</table>
LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đặc biệt là khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Trở thành thành viên chính thức của WTO, Việt Nam được đón nhận nhiều cơ hội mới nhưng cũng phải đối mặt với không ít những thách thức. Trong khuôn khổ đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam, Tài chính - Ngân hàng là một trong những lĩnh vực được cam kết mở rộng của mình, các Ngân hàng nước ngoài sẽ được phép hoạt động tại Việt Nam và được đối xử ngang bằng theo nguyên tắc tối ưu quốc của WTO. Khi đó, các Ngân hàng Việt Nam sẽ gặp phải những đối thủ cạnh tranh tám cõi ngay tại thị trường trong nước.


Ý thức được điều này, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Nghệ An (Agribank chi nhánh tỉnh Nghệ An) đã xem quản lý nợ xấu là một trong những việc cần được giải quyết hàng đầu nhằm nghiệm thức đưa ra những giải pháp quản lý nợ xấu, góp phần tăng cường một cách toàn diện hiệu quả của hoạt động tín dụng ngân hàng, giúp tạo ra điểm tựa vững chắc trong quá trình thực hiện đổi mới, hiện...
đại hóa Agribank chi nhánh tỉnh Nghệ An. Chính vì vậy, tác giả xin chọn đề tài cho luận văn tốt nghiệp của mình là: “Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An”.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận văn là đánh giá thực trạng quản lý nợ xấu tại Agribank chi nhánh tỉnh Nghệ An, đề xuất giải pháp tăng cường quản lý nợ xấu tại Agribank chi nhánh tỉnh Nghệ An.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

(i) Hệ thống hóa cơ sở lý luận về nợ xấu và quản lý nợ xấu tại các NHTM, bao gồm việc tìm hiểu các quan niệm khác nhau về nợ xấu, cách hành xử, phân loại, đo lường, xử lý nợ xấu. Các vấn đề này được tiếp cận dựa trên các nguồn tác của Hiệp ước Basel trong hoạt động quản lý rủi ro tín dụng ngân hàng.

(ii) Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý nợ xấu tại một số NHTM lớn ở Việt Nam rút ra bài kinh nghiệm vẫn đúng cho Agribank chi nhánh tỉnh Nghệ An.

(iii) Làm rõ thực trạng về tình hình nợ xấu và quản lý nợ xấu tại Agribank chi nhánh tỉnh Nghệ An thông qua việc phân tích các số liệu thu thập. Qua đó, xác định những hạn chế trong hoạt động quản lý nợ xấu tại Agribank chi nhánh tỉnh Nghệ An hiện nay.

(iv) Đề xuất các giải pháp cùng như kiến nghị nhằm tăng cường quản lý nợ xấu tại Agribank chi nhánh tỉnh Nghệ An.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu của luận văn: Thực trạng quản lý nợ xấu tại Agribank chi nhánh tỉnh Nghệ An như thế nào? Cần có Giải pháp gì để tăng cường công tác quản lý nợ xấu trong giai đoạn hiện nay tầm nhìn đến năm 2020?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu
Đối tượng nghiên cứu của luận văn là công tác quản lý nợ xấu của Agribank chi nhánh tỉnh Nghệ An trong những năm vừa qua.

4.2. Phạm vi nghiên cứu
Luận văn nghiên cứu các hoạt động quản lý nợ xấu tại Agribank chi nhánh tỉnh Nghệ An.
Thời gian thực hiện nghiên cứu là giai đoạn từ năm 2012 - 2014.

5. Kết cấu của luận văn
Ngoài lời mở đầu, kết luận, luận văn được chia thành 4 chương.

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận quản lý nợ xấu trong hoạt động của Ngân hàng Thương Mại.

Chương 2: Phương pháp và thiết kế nghiên cứu luận văn.

Chương 3: Thực trạng quản lý nợ xấu tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An.

CHƯƠNG 1
TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NỢ XÂU NGÂN HÀNG
THƯỞNG MẠI
1.1. Tổng quan nghiên cứu
1.1.1. Tình hình nghiên cứu nợ xâu chung.


Nhu vậy, vấn đề nợ xâu đã được quan tâm khá nhiều ở các luận văn thạc sĩ, phân lớn các nghiên cứu trên mỗi nghiên cứu sử phát sinh các khoản nợ xâu hoặc việc xử lý các khoản nợ xâu, chưa có sự kết hợp toàn diện giữa hai vấn đề này. Trong khi đó thực tiễn đòi hỏi phải quản lý nợ xâu đồng thời trên cả hai giắc độ: hạn chế sự phát sinh nợ xâu và xử lý những khoản nợ xâu đã phát sinh như thế nào.

Đối với luận án tiến sĩ trong nước, có một công trình được báo về khả thành công với những đóng góp thực sự có giá trị cho hoạt động quản trị NHTM, đó là luận án tiến sĩ của tác giả Lê Thị Huyền Điều (2010) với tên đề tài “Luận cứ khoa học về xác định mô hình quản lý rủi ro tín dụng tại hệ thống NHTM Việt Nam”. Đề tài của tác giả đã đúc kết lại lý thuyết cơ bản về các mô hình quản lý rủi ro tín dụng. Tác giả Huyền Điều đã luận
giải một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản về quản lý rủi ro tín dụng và xây dựng mô hình quản lý rủi ro tín dụng từ đó phân tích các điều kiện tiên đề áp dụng tại các NHTM Việt Nam.


văn dụng các quy định an toàn của hiệp ước này, song việc văn dụng các hiệp ước Basel trong hoạt động quản trị Ngân hàng nước ta hết sức ý nghĩa và cần thiết. Các bài viết này có ưu điểm là đã tiếp cận cách quản lý nợ xấu hiện tại theo tiêu chuẩn quốc tế, cụ thể là ứng dụng các nguyên tắc của Ủy ban Basel về Giám sát ngân hàng.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Nghệ An.


trạng và diện biên nỗ lực được đưa ra.

1.2. Tổng quan nỗ lực ngân hàng thương mại

1.2.1. Khái niệm Ngân hàng thương mại

Ngân hàng là một trong những tổ chức tài chính quan trọng nhất trong nền kinh tế. Ngân hàng thương mại được xem là một trung gian tài chính có chức năng dẫn vốn từ nơi có khả năng cung ứng vốn đến những nơi có nhu cầu về vốn nhằm tạo điều kiện cho đầu tư phát triển kinh tế. Chúng ta có thể xem xét một số khái niệm về NHTM như sau:

Theo Pháp lệnh Ngân hàng năm 1990 của Việt Nam có quy định: NHTM là một tổ chức kinh doanh tiền tệ mà nghiệp vụ thường xuyên và chủ yếu là nhận tiền gửi của khách hàng với trách nhiệm hoàn trả và sử dụng số tiền đó để cho vay, chiết khấu và làm phương tiện thanh toán.


Nhu vậy, có thể nói NHTM là một doanh nghiệp đặc biệt kinh doanh về tiền tệ với hoạt động thường xuyên là huy động vốn, cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, cung cấp các dịch vụ tài chính và các hoạt động khác có liên quan.

1.2.2. Các quan điểm về nỗ lực của ngân hàng thương mại

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về nỗ lực. Quan điểm về nỗ lực khác nhau ở các quốc gia và trong một nền kinh tế dưới góc nhìn của các chủ thể khác nhau thì quan điểm về nỗ lực cũng có sự khác biệt. Nếu đứng dưới góc nhìn của các NHTM thì nỗ lực có thể hiểu là những khoản cho vay không có khả năng sinh lợi hay những khoản cho vay không còn hoạt động (NPLs: non-performing loans). Những khoản cho vay trở nên không sinh lời khi người vay dừng việc thanh toán và khoản cho vay này bắt đầu bị vỡ nợ.

➢ Theo quan điểm của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)

Định nghĩa về nỗ lực đã được IMF đưa ra như sau:

“Một khoản cho vay được coi là không sinh lời (nỗ lực) khi tiền thanh toán lại

11
và/hoặc tiến gió dài quá hạn từ 90 ngày trở lên, hoặc các khoản thanh toán lại đến 90 ngày hoặc hạn đã được tái cơ cấu hay gia hạn nọ, hoặc các khoản thanh toán dưới 90 ngày nhưng có các nguyên nhân nghi ngờ việc trả nọ sẽ được thực hiện đầy đủ”

Về cơ bản, nọ xấu theo quan điểm của IMF được định nghĩa dựa trên hai yếu tố: (i): quá hạn trên 90 ngày, hoặc (ii:) khả năng trả nợ bị nghi ngờ. Với quan điểm này, nọ xấu được tiếp cận dựa trên thời gian quá hạn trả nợ và khả năng trả nợ của khách hàng. Khả năng trả nợ ở đây có thể là khách hàng hoàn toàn không trả được nợ, hoặc việc trả nợ của khách hàng là không đầy đủ.

Nuur vậy, quan điểm về nợ xấu của IMF dựa trên kết quả thu hồi nợ của ngân hàng, nhưng có bổ sung thêm yếu tố về thời gian quá hạn trả nợ. Đây được coi là định nghĩa hiện đang được áp dụng phổ biến trên thế giới.

➢ Theo quan điểm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV)

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN của thông điệp NHNN ngày 21/1/2013 về việc Quy định phân loại tài sản cơ, mức trích lập, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro(DPRR) trong hoạt động của tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh nước ngoài thì nợ xấu được định nghĩa tại Điều 3 như sau:

“Nợ xấu là những khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn), nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) và nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn). [10]

Cá các nhóm nợ được phân loại theo Điều 10 và Điều 11 trong Quyết định này.
Trong đó:


- Phân loại nợ theo Điều 11 lại chủ yếu dựa trên khả năng trả nợ của khách hàng. ( Nhóm 3: Các khoản nợ được tổ chức tín dụng(TCTD), đánh giá là không có khả năng thu hồi nợ gốc và lãi khi đến hạn, có khả năng tồn thất, Nhóm 4: Các khoản nợ được TCTD đánh giá là khả năng tồn thất cao, Nhóm 5: Các khoản nợ được TCTD đánh giá là
không còn có khả năng thu hồi, mất vốn).

Nghĩa vậy, nợ xấu theo quan điểm của NHNN Việt Nam cũng được xác định dựa trên hai yếu tố: (i): đã quá hạn trên 91 ngày hoặc (ii): khả năng trả nợ đang lo ngại”. Tuy nhiên, việc các NHTM Việt Nam tiếp cận theo yêu tố nào là phụ thuộc vào khả năng và điều kiện tiền hành phân loại nợ theo Điều 10 hay Điều 11 của Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN.

Với quan điểm trên thì quan điểm về nợ xấu theo tác giả, phải được tiếp cận dựa vào khả năng trả nợ của khách hàng. Có nghĩa là một khoản cho vay trong hạn, hoặc thậm chí mới cho vay, nhưng có các dấu hiệu chứng tỏ rằng khả năng trả nợ của khoản vay là đang nghi ngờ thì cũng có thể coi là một khoản nợ xấu.

1.2.3. Nguyên nhân phát sinh nợ xấu
1.2.3.1. Nhóm nguyên nhân khách quan

✓ Môi trường thiên nhiên

Tên tài, bảo lù, hoa hoàn, mất mùa, dịch bệnh... Đây là những nguyên nhân khách quan do sự biến đổi của môi trường thiên nhiên đã gây ra sự hoạt động thất bại của khách hàng vay, nhất là các khoản cho vay nông nghiệp, dẫn đến nợ xấu phát sinh. Nguyên nhân này nằm ngoài tầm kiểm soát và mong muốn của cả NHTM và các khách hàng vay. Đây là nguyên nhân gây ra rủi ro không thể tránh được, nhưng mất mát do nguyên nhân này gây ra cần được sự sẽ chia của nhà nước, và cả xã hội.

✓ Môi trường kinh tế

Nếu môi trường kinh tế chưa thực sự phát triển, cạnh tranh trên thị trường chưa thực sự bình đẳng, tốc độ cũng như trình độ phát triển chưa cao sẽ dẫn đến việc các cá nhân và tổ chức cũng như các doanh nghiệp không có tiềm lực tài chính đủ mạnh. Mặt khác, với sự thay đổi liên tục trong các chính sách kinh tế ví mô như sự thay đổi về cơ chế lãi suất, tỷ giá, chính sách xuất nhập khẩu, hàng tiêu dùng.... thay đổi quy hoạch xây dựng hạ tầng, thay đổi cơ chế tài chính, cơ chế sử dụng đất đai, cũng ảnh hưởng trực
tiếp đến hoạt động của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, khiến các đối tượng này rơi vào thế bị động, do đó nó gián tiếp ảnh hưởng đến chất lượng nợ của các đối tượng này tại NHTM.

**Môi trường pháp lý**

Môi trường pháp lý cho hoạt động ngân hàng chưa đầy đủ là nguyên nhân quan trọng góp phần gây ra nợ xấu. Sự bất cập và chồng chéo của các luật sắc khiến cơ quan hữu quan lúng túng trong việc xử lý tranh chấp về tài sản đảm bảo, các quy định về kế toán kiểm toán chưa đủ sức mạnh thực hiện để kiểm soát vướng mắc để thẩm định cho vay.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2005, Quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD, QĐ 457/2005/QĐ - NHNN, Quyết định của NHNN.


quản lý nợ xấu Ngân hàng thương mại Việt Nam”, Tạp chí Ngân hàng, số10, trang 10-12.